

HỆ MÀNG LỌC MBR

MBR FILTER MODULES



MODEL ML960



Sản Phẩm		ML960
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~52*1200 mm
	Kết nối đầu hút	Ø21 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		960 lít/ ngày
Tham số màng	Diện tích màng	1 m ²
	Kích thước lỗ màng	0.034 μ m
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	$\geq$ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm ³ / diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS $\approx$ 0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)



Công suất vượt trội



Chi phí tiết kiệm

Mã Sản Phẩm	B	H
ML960	52	1200
ML3M	104	1200
ML5M	131	1300
ML8M	165	1300



MODEL ML3M



Sản Phẩm		ML3M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~104*1200 mm
	Kết nối đầu hút	Ø21 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		2800 lít/ ngày
Tham số màng	Diện tích màng	3 m ²
	Kích thước lỗ màng	0.034 μ m
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	$\geq$ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm ³ / diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)



Công suất vượt trội



Chi phí tiết kiệm

Mã Sản Phẩm	B	H
ML960	52	1200
ML3M	104	1200
ML5M	131	1300
ML8M	165	1300



MODEL ML5M



Sản Phẩm		ML5M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~131*1300 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		4500 lít/ ngày
Tham số màng	Diện tích màng	5 m ²
	Kích thước lỗ màng	0.034 μ m
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	$\geq$ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm ³ / diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)



Công suất vượt trội



Chi phí tiết kiệm

Mã Sản Phẩm	B	H
ML960	52	1200
ML3M	104	1200
ML5M	131	1300
ML8M	165	1300



MODEL ML8M



Sản Phẩm		ML8M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~165*1300 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		7500 lít/ ngày
Tham số màng	Diện tích màng	8 m ²
	Kích thước lỗ màng	0.034 μ m
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm ³ / diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)



Công suất vượt trội



Chi phí tiết kiệm

Mã Sản Phẩm	B	H
ML960	52	1200
ML3M	104	1200
ML5M	131	1300
ML8M	165	1300

